

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hoa Nga**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Ngọc Thơm** – Ông **Võ Thanh Đức**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Song Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 354/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐ-HPT ngày 07 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thanh Minh N**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Khu phố 10, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông **Trương Đình A**, sinh năm 1985;

Nơi đăng ký thường trú: Số 18 G, Xã B, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 10, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05.11.2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã La Gi, nguyên đơn - bà Trần Thanh Minh N trình bày:

Bà và ông Trương Đình A tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 01/2009, đăng ký ngày 20/8/2009.

Sau khi kết hôn không lâu thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, ông A thường xuyên nhậu nhẹt, gây gổ với vợ, không chăm lo cuộc sống gia đình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vợ chồng hiện sống chung nhưng không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau nên bà Trần Thanh Minh N yêu cầu được ly hôn với ông Trương Đình A.

Về con chung: Bà N và ông A có 01 con chung là Trương Triệu M, giới tính nữ, sinh ngày 29/9/2010. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn - ông Trương Đình A trình bày:

Ông thừa nhận về việc đăng ký kết hôn, con chung như trên, thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông A không đồng cảm với vợ, thường xuyên nhậu nhẹt và có tình cảm riêng tư với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, ông A vẫn còn tình cảm thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà N ly hôn thì ông A tự nguyện giao con chung Trương Triệu M cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không lý do.

Qua xác minh, làm rõ tình trạng hôn nhân cho thấy giữa bà N và ông A có mâu thuẫn, đánh giá hôn nhân khó hàn gắn.

Về phía con chung Trương Triệu M trình bày, nếu cha mẹ ly hôn, không chung sống với nhau nữa thì có nguyện vọng sống với mẹ.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thanh Minh N.

- Về con chung: Giao cho bà Trần Thanh Minh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Triệu M, giới tính nữ, sinh ngày 29/9/2010. Ông Trương Đình A được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng: Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thanh Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thanh Minh N và ông Trương Đình A là hợp pháp. Mâu thuẫn hôn nhân giữa vợ chồng bà N, ông A tồn tại trong thời gian dài, được ông A thừa nhận mặc dù ông A muốn được hòa giải đoàn tụ nhưng bà N vẫn kiên quyết ly hôn. Tại phiên tòa ông A vắng mặt, thể hiện việc thiếu thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông bà không tìm được giải pháp để hòa giải, cải thiện tình trạng hôn nhân hiện tại. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thanh Minh N là phù hợp, theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Về yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Trần Thanh Minh N, ông A cũng thống nhất giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân bà N có đủ khả năng để nuôi dưỡng con, cháu M bày tỏ nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, giao cho bà Trần Thanh Minh N trực tiếp nuôi

dưỡng con chung Trương Triệu M, giới tính nữ, sinh ngày 29/9/2010 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Bà N yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/tháng, ông A đã đồng ý với mức cấp dưỡng này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà N là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Trần Thanh Minh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 262; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 54, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh Minh N. Bà Trần Thanh Minh N được ly hôn với ông Trương Đình A.

2. Về con chung: Giao con chung: Trương Triệu M, sinh ngày 29/9/2010 cho bà Trần Thanh Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Ông Trương Đình A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Ông Trương Đình A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trương Triệu M 3.000.000 (Ba triệu) đồng mỗi tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về án phí: Bà Trần Thanh Minh N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0022577 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi. Bà Trần Thanh Minh N đã nộp đủ tiền án phí. Ông Trương Đình A phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/7/2020). Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã La Gi;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND phường P,
thị xã La Gi;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hoa Nga

